

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH  
LIÊN SỞ XÂY DỰNG - TÀI CHÍNH

**CÔNG BỐ**

**GIÁ VẬT LIỆU THÁNG 4 NĂM 2023 ĐẾN HIỆN TRƯỜNG XÂY DỰNG  
KHU VỰC TRUNG TÂM THÀNH PHỐ VÀ CÁC HUYỆN**  
(Số 04/2023/CBLS-XD-TC ngày 15 tháng 5 năm 2023)

Bắc Ninh, tháng 5 năm 2023

Số: 04/2023/CBLS-XD-TC

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 5 năm 2023

## **CÔNG BỐ**

### **Giá vật liệu xây dựng tháng 4 năm 2023 đến hiện trường xây dựng khu vực trung tâm thành phố và các huyện**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, Luật Xây dựng sửa đổi, bổ sung số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND ngày 17/12/2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy định phân công trách nhiệm quản lý Nhà nước trong lĩnh vực giá áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Sau khi khảo sát thị trường, thống nhất ý kiến của các thành viên Tổ công tác xây dựng Công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, Liên sở Xây dựng - Tài chính công bố giá vật liệu xây dựng đến hiện trường khu vực trung tâm thành phố, thị xã và các huyện tháng 4 năm 2023 để các chủ đầu tư, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan tham khảo trong việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định.

#### **I. Nội dung công bố giá vật liệu xây dựng**

##### **1. Một số loại vật liệu chủ yếu (Chi tiết kèm theo phụ lục 1)**

###### **1.1. Cơ sở xác định giá vật liệu xây dựng**

Giá vật liệu xây dựng trong bảng công bố được xác định trên cơ sở khảo sát mặt bằng giá trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tại thời điểm; báo giá của các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trong và ngoài tỉnh, mức giá công bố đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình tại trung tâm thành phố, thị xã các huyện.

Giá VLXD tại trung tâm các huyện, thị xã và thành phố Từ Sơn đã tính với bán kính 2km, trung tâm thành phố Bắc Ninh đã tính với bán kính 3km.

###### **1.2. Nguyên tắc xác định trung tâm các huyện và thành phố**

Thành phố Bắc Ninh: Ngã sáu giao đường Lý Thái Tổ và đường Trần Hưng Đạo (QL18) làm trung tâm.

Thành phố Từ Sơn: Ngã tư giao đường Tỉnh lộ 295B (QL1A cũ) và đường Lý Thái Tổ làm trung tâm (cạnh Bưu điện Từ Sơn).

Huyện Tiên Du: Ngã tư giao đường Tỉnh lộ 295B (QL1A cũ) và đường Nguyễn Đăng Đạo (Tỉnh lộ 270) làm trung tâm (cạnh Bưu điện Tiên Du).

Huyện Yên Phong: Ngã tư giao đường Tỉnh lộ 286 và Tỉnh lộ 295 làm trung tâm.  
Thị xã Quế Võ: Ngã tư giao đường QL18 và Tỉnh lộ 279 làm trung tâm (cạnh Bưu điện Quế Võ).

Thị xã Thuận Thành: Ngã tư giao đường QL38 và QL17 làm trung tâm.

Huyện Gia Bình: Ngã tư giao đường QL17 và Tỉnh lộ 280 làm trung tâm.

Huyện Lương Tài: Ngã tư giao đường Tỉnh lộ 280, Tỉnh lộ 281 và Tỉnh lộ 284 làm trung tâm (cạnh Hồ nước).

## **2. Thông tin giá của các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng**

### **2.1. Bảng giá các doanh nghiệp (chi tiết kèm theo phụ lục 2)**

#### **Nhóm 1. Xi măng**

1.1. Công ty TNHH TNC: Theo văn bản số 02/BG-TNC ngày 01/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

1.2. Công ty xây dựng Hoàng Hải (TNHH): Theo văn bản số 02.23/BG-HH ngày 05/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

#### **Nhóm 2. Gạch nung, gạch không nung**

2.1. Công ty xây dựng Đồng Nguyên (TNHH): Theo văn bản số 01/BG-ĐN ngày 01/4/2023 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

2.2. Công ty Quang Long (TNHH): Theo văn bản số 02/BG-QL ngày 01/4/2023 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

2.3. Công ty Cổ phần sông cầu Hà Bắc: Theo văn bản số 02/SCHB ngày 05/4/2023 về việc giá vật tư, vật liệu để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

2.4. Công ty TNHH sản xuất gạch bê tông Bắc Ninh: Theo văn bản số 0423/CV-BN ngày 01/4/2023 về việc giá vật tư, vật liệu để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

2.5. Công ty Cổ phần gạch Đại Kim: Theo văn bản số 4/2023.SXD ngày 10/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

2.6. Công ty TNHH bê tông cường độ cao: Theo văn bản số 02/2023/HSC-CBG ngày 12/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

2.7. Công ty TNHH vật liệu xây dựng Hoàn Sơn: Theo văn bản số 10/2023-VLXDHS ngày 08/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

2.8. Công ty TNHH vật liệu xây dựng không nung Thuận Thành: Theo văn bản số 02/KNTT ngày 01/4/2023 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

2.9. Công ty thương mại và xây dựng Đức Việt (TNHH): Theo văn bản số 02/CV-DV ngày 10/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

2.10. Công ty TNHH sản xuất dịch vụ và thương mại Bắc Ninh: Theo văn bản số 02.2023/BG ngày 10/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

2.11. Công ty Cổ phần VLXD Minh Đạo: Theo văn bản số 08/BG-MĐ ngày 03/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

2.12. Công ty Cổ phần Gạch công nghệ mới: Theo văn bản số 07/CNM ngày 10/4/2023 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

### ***Nhóm 3. Vật liệu ốp lát***

3.1. Công ty TNHH Thanh Thanh Tùng: Theo văn bản số 030422/CV-ĐG ngày 03/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

3.2. Công ty Cổ phần kinh doanh gạch ốp lát Viglacera: Theo văn bản số 61<sup>A</sup>/VIKD-DA ngày 19/4/2023 về việc giá vật tư, vật liệu để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh (Quý II-2023).

3.3. Công ty Cổ phần Catalan: Theo văn bản số 72/CV-CTL ngày 31/3/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

3.4. Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Ý Gia: Theo văn bản số 06/YG ngày 18/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

3.5. Công ty TNHH Thạch Bàn: Theo văn bản số 65/2023/CV-TBI/DA ngày 13/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

### ***Nhóm 4. Vật liệu lợp***

4.1. Công ty Cổ phần Austnam: Theo văn bản số 02/2023/CV/KDNĐ ngày 10/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

4.2. Công ty TNHH Libati: Theo văn bản số 010323/BG-LIBATI ngày 31/3/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

4.3. Công ty Cổ phần tôn mạ VNSTEEL Thăng Long: Theo văn bản số 2704/CV ngày 01/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

### ***Nhóm 5. Cửa các loại và trần nhà***

5.1. Công ty TNHH Hải Hà VINA: Theo văn bản số 02/BG-HHVN ngày 05/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

5.2. Công ty TNHH đồ gỗ PLC: Theo văn bản số 02/2023/BG-PLC ngày 10/4/2023 về việc đề nghị niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý II/2023.

5.3. Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng VENZA: Theo văn bản số 01042023/VENZA-SXD ngày 10/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

5.4. Công ty TNHH thiết bị Bảo Minh An: Theo văn bản số 421/CV ngày 01/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

5.5. Công ty Ngọc Hùng (TNHH): Theo văn bản số 04/CV-NH ngày 05/4/2023 về việc báo giá sản phẩm vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý II/2023.

5.6. Công ty TNHH sản xuất và xây dựng Trung Hiếu: Theo văn bản số 02.2023/BG-TH ngày 05/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

5.7. Công ty Cổ phần cơ khí Đông Anh Licogi: Theo văn bản số 1904/CKDA/SXD ngày 19/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

5.8. Công ty Cổ phần nhôm Việt Pháp: Theo văn bản số 09/2023/CV-NVP ngày 03/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

5.9. Công ty TNHH thương mại và đầu tư NTG: Theo văn bản số 10/CV-NTG ngày 10/4/2023 về việc báo giá sản phẩm VLXD để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính tháng 4/2023 (Quý II/2023).

#### ***Nhóm 6. Sơn, bột bả các loại***

6.1. Công ty Cổ phần công nghệ Tincor Quốc Tế: Theo văn bản số 86/TC-VP ngày 07/10/2022 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2022 (Quý IV/2022).

6.2. Công ty Cổ phần Sơn Jymec Việt Nam: Theo văn bản số 0504/JM-SXDBN ngày 05/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

6.3. Công ty Cổ phần tập đoàn Sơn công nghệ cao Nano Delux: Theo văn bản số 02.2023/TBG-BN ngày 10/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

6.4. Công ty Cổ phần Sơn Newcolor Việt Nam: Theo văn bản số 022023/TBG-NCL ngày 01/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

6.5. Công ty Cổ phần Sơn Pantone Việt Nam: Theo văn bản số 10423/CV-PT ngày 10/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

6.6. Công ty TNHH liên doanh Sơn Pretty: Theo văn bản số 05/2023-SPT ngày 05/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

6.7. Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng VENZA: Theo văn bản số 02042023/VENRA-SXD ngày 10/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

6.8. Công ty Cổ phần thương mại sản xuất quốc tế NANOZTO: Theo văn bản số 012023/TB-NCL ngày 01/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

6.9. Công ty TNHH Sơn Ronspec: Theo văn bản số 052030/RONSPEC ngày 01/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

6.10. Công ty Cổ phần Sơn Nano Shield Việt Nam: Theo văn bản số 03.23/BG-NANO SHIELD ngày 20/4/2023 về việc đề nghị đăng giá Sơn Nano Shield trên Công bố giá liên Sở Xây dựng-Tài chính tỉnh Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

6.11. Công ty Cổ phần tập đoàn Thành Thắng: Theo văn bản số 177/BG-TĐTT ngày 08/4/2023 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

6.12. Công ty TNHH Hải Quân: Theo văn bản số 02.2023/TB-HQ ngày 10/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

6.13. Công ty TNHH tập đoàn Thăng Phát: Theo văn bản số 02/2023 ngày 01/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

6.14. Công ty Cổ phần đầu tư công nghệ sơn Apex Việt Nam: Theo văn bản số 0100/2023 ngày 10/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

6.15. Công ty Cổ phần ST Quốc Tế: Theo văn bản số 02/BG-STQT ngày 01/4/2023 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý II/2023.

6.16. Công ty Cổ phần liên danh Lebeus Group: Theo văn bản số 36/2023 ngày 01/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

6.17. Công ty Cổ phần Tenno Group: Theo văn bản số 04/2023 ngày 10/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

6.18. Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Thế Gia: Theo văn bản số 0101/2023 ngày 01/01/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 01/2023 (Quý I/2023).

6.19. Công ty TNHH thương mại và xây dựng Sông Đà: Theo văn bản số 472/BG-SĐ ngày 31/3/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

6.20. Công ty cổ phần sơn VINAECO: Theo văn bản số 130/VINAECO-SXDBN ngày 01/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

6.21. Công ty cổ phần sơn Maxxs Việt Nam: Theo văn bản số 39/2023 ngày 01/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá Sơn Maxxs tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

6.22. Chi nhánh Công ty cổ phần L.Q Joton tại Hải Dương: Theo văn bản số 01/2023 ngày 10/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

### ***Nhóm 7. Dây, cáp, thiết bị điện và phụ kiện***

7.1. Công ty Cổ phần cơ điện Trần Phú: Theo văn bản số 28/TP-NYVL ngày 10/4/2023 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

7.2. Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam: Theo văn bản số 17/CV-SLI ngày 07/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

7.3. Công ty Cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng: Theo văn bản số 06/SXD-PT ngày 01/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

7.4. Công ty Cổ phần chiếu sáng đô thị Hoàng Phát: Theo văn bản số 1104/CV/2023 ngày 11/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

7.5. Công ty Cổ phần điện và chiếu sáng Phương Đông: Theo văn bản số 410.2023/PĐ ngày 10/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

7.6. Công ty Cổ phần chiếu sáng đô thị Hoàng Gia: Theo văn bản số 145/2023 ngày 01/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

7.7. Công ty Cổ phần chiếu sáng đô thị Thiên Long: Theo văn bản số 52/2023 ngày 01/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

7.8. Công ty Cổ phần Winco Việt Nam: Theo văn bản số 02/WINCO-CV ngày 01/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

7.9. Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc: Theo văn bản số 230418/MB ngày 18/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

7.10. Công ty Cổ phần đầu tư kinh doanh Nhật Quang: Theo văn bản số 201/NQ/2022 ngày 05/4/2023 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý II/2023.

7.11. Công ty TNHH Vonta Việt Nam: Theo văn bản số 104/CV/2023 ngày 01/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

7.12. Công ty Cổ phần đầu tư và thiết bị SK Việt Nam: Theo văn bản số 02/SXD-SKVN ngày 10/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

7.13. Công ty Cổ phần Đông Giang: Theo văn bản số 104/2023 CV-ĐG ngày 10/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

7.14. Công ty Cổ phần tập đoàn Hanaka: Theo văn bản số 114/2023/CV-HNK-KD ngày 18/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

7.15. Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Thượng Đình: Theo văn bản số 1104/CDS ngày 10/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

7.16. Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam: Theo văn bản số 02/CV-KDDA ngày 11/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

#### ***Nhóm 8. Phòng cháy, chữa cháy***

8.1. Công ty Cổ phần phát triển thương mại và xây lắp Bình Minh: Theo văn bản số 0401/CVBM ngày 01/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

#### ***Nhóm 9. Ống nước, thiết bị vệ sinh và phụ kiện***

9.1. Công ty Cổ phần nhựa thiếu niên Tiên Phong: Theo văn bản số 21/NTP-PTTT1 ngày 10/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

9.2. Công ty Cổ phần ASIA Kinh Bắc: Theo văn bản số 02/BG-ASIA ngày 01/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

9.3. Công ty TNHH thiết bị và vật tư ngành nước Hà Nội: Theo văn bản số 0401/NHN ngày 01/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

9.4. Công ty Cổ phần Santo: Theo văn bản số 02/23/CV-ST ngày 01/4/2023 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2022).

9.5. Công ty Cổ phần Visuco: Theo văn bản số 0302/2023/VISUCO ngày 01/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2022).

#### ***Nhóm 10. Cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông thương phẩm***

10.1. Công ty TNHH Đất Việt: Theo văn bản số 02/2023 ngày 03/4/2023 về việc báo giá sản phẩm vật liệu xây dựng đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

10.2. Công ty TNHH xây dựng Đại An: Theo văn bản số 01/04/2023/CV-ĐA ngày 01/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

10.3. Công ty TNHH thương mại và xây dựng Phạm Đình: Theo văn bản số 02/2023-PD ngày 10/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý II/2023.



10.4. Công ty Cổ phần AVIA: Theo văn bản số 0104/2023 ngày 01/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

10.5. Công ty Cổ phần xây dựng Vũ Hùng: Theo văn bản số 02/2023-VH ngày 10/4/2023 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

10.6. Công ty Cổ phần cơ khí xây dựng Trường Sơn: Theo văn bản số 02/2023/TS ngày 12/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

10.7. Công ty TNHH sản xuất thương mại xây dựng Ngân Hà: Theo văn bản số 02/2023 ngày 10/4/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 4/2023 (Quý II/2023).

## **2.2. Một số lưu ý khi sử dụng thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng.**

### **a) Về thông tin giá:**

Giá các loại vật tư, vật liệu công bố nêu trên được xác định và công bố theo giá niêm yết do các đơn vị sản xuất, kinh doanh cung cấp để chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan tham khảo; chưa loại trừ các khoản chiết khấu, ưu đãi (nếu có) của các đơn vị sản xuất kinh doanh.

### **b) Yêu cầu đối với các đơn vị, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh niêm yết, công bố:**

Thực hiện đầy đủ các nội dung theo Hướng dẫn số 09/HD-SXD ngày 24/9/2021 của Sở Xây dựng Bắc Ninh về việc hướng dẫn đăng ký niêm yết giá vào Bảng công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các hồ sơ, tài liệu gửi liên Sở Xây dựng - Tài chính Bắc Ninh và mức giá mà đơn vị đã niêm yết, công bố; có trách nhiệm thông tin, công bố kịp thời khi thay đổi giá bán, chất lượng sản phẩm cho liên Sở.

Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định pháp luật về hoạt động doanh nghiệp, thương mại, giá, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các quy định khác có liên quan. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa theo quy định pháp luật.

### **c) Yêu cầu đối với các cơ quan, đơn vị tham khảo, áp dụng công bố:**

Khi áp dụng giá vật tư, vật liệu trong thông tin giá này yêu cầu doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh cung cấp hồ sơ chất lượng và giá vật tư, vật liệu tại thời điểm đảm bảo phù hợp với mặt bằng thị trường, chống thất thoát, lãng phí, hoàn toàn chịu trách nhiệm về những sản phẩm, vật tư, vật liệu khi áp dụng.

Khuyến khích lựa chọn vật tư, vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường và có giá thành thấp.

## **II. Hướng dẫn tham khảo hoặc vận dụng giá vật liệu xây dựng trong công bố**

Giá vật liệu xây dựng kèm theo công bố này là loại vật liệu phổ biến trong xây dựng công trình làm cơ sở tham khảo cho việc lập đơn giá xây dựng công trình. Giá những loại vật tư, vật liệu xây dựng có trong công bố tại khu vực thành phố

Bắc Ninh mà các huyện, thành phố Từ Sơn không có thì có thể tham khảo ở thành phố Bắc Ninh.

Một số vật liệu không có trong công bố giá của liên Sở hoặc trường hợp giá vật tư, vật liệu xây dựng tại thời điểm lập dự toán, lập giá gói thầu có biến động (tăng hoặc giảm) so với giá công bố thì chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan tự tổ chức khảo sát, xác định và quyết định giá vật liệu khi lập dự toán, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đảm bảo phù hợp với yêu cầu của từng công trình đảm bảo theo quy định của pháp luật về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các quy định pháp luật liên quan, đồng thời kịp thời phản ánh thông tin về Sở Xây dựng và Sở Tài chính để cập nhật dữ liệu.

Chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan khi sử dụng giá vật tư, vật liệu trong công bố giá này để lập, thẩm tra, thẩm định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng cần căn cứ vào thời điểm, địa điểm công trình, địa điểm cung cấp vật tư, khối lượng vật liệu sử dụng, mục tiêu đầu tư, tính chất công trình, yêu cầu thiết kế và quy định quản lý chất lượng công trình để xem xét, lựa chọn loại vật tư, vật liệu hợp lý, xác định giá vật tư, vật liệu phù hợp với mặt bằng thị trường, đảm bảo mục tiêu đầu tư, chống thất thoát, lãng phí và hoàn toàn chịu trách nhiệm khi sử dụng giá vật tư, vật liệu trong công bố giá này.

Chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan khi sử dụng thông tin giá theo công bố này phải chịu trách nhiệm quản lý chi phí đầu tư theo Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và thực hiện đúng các quy định hiện hành./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (b/c);
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Các Sở ngành liên quan;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố;
- Giám đốc và các Phó giám đốc Sở XD, Sở TC;
- Công TTĐT Sở XD;
- Lưu: VT, KT&VLXD, QLG, Nnh.

**SỞ TÀI CHÍNH**  
**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Đình Huân**

**SỞ XÂY DỰNG**  
**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Xuân Đoàn**



**PHỤ LỤC 1**

**BẢNG GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐẾN HIỆN TRƯỜNG XÂY DỰNG KHU VỰC THÀNH PHỐ BẮC NINH**

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2023 - Mức giá chưa bao gồm VAT

(Kèm theo Công bố số 04/2023/CBLS-XD-TC ngày 15/5/2023 của Liên Sở Xây dựng-Tài chính)

Số TT	Danh mục vật liệu xây dựng		Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	<b>1</b>	<b>Cát xây dựng</b>			
1		Cát mịn (ML=0,7-1,4mm)	m <sup>3</sup>	177.778	QCVN16: 2019/BXD
2		Cát mịn (ML=1,5-2mm)	m <sup>3</sup>	187.778	
3		Cát vàng ML>2mm	m <sup>3</sup>	447.778	
4		Cát san nền	m <sup>3</sup>	172.778	
	<b>2</b>	<b>Đá dăm xây dựng</b>			
5		Đá dăm xanh 1 x 2 ( đá chọn )	m <sup>3</sup>	305.262	QCVN16: 2019/BXD
6		Đá dăm xanh 2 x 4 ( đá chọn )	m <sup>3</sup>	295.262	
7		Đá dăm xanh 4 x 6 ( đá chọn )	m <sup>3</sup>	285.262	
8		Đá dăm cấp phối loại I	m <sup>3</sup>	250.262	
9		Đá dăm cấp phối loại II	m <sup>3</sup>	240.262	
10		Đá dăm 0,5x1	m <sup>3</sup>	230.262	
11		Đá mặt	m <sup>3</sup>	202.778	
	<b>3</b>	<b>Xăng, dầu</b>			
		<i>Từ ngày 03/4/2023</i>			
12		Xăng RON95-III	lít	21.018	
13		Xăng sinh học E5 RON92-II	lít	20.073	
14		Diezen 0,05S-II	lít	17.664	
15		Dầu hoả 2-k	lít	17.300	
16		Dầu mazut No2B (3S)	kg	14.891	
17		Dầu mazut No2B (3,5S)	kg	13.109	
		<i>Từ ngày 11/4/2023</i>			
18		Xăng RON95-III	lít	22.036	
19		Xăng sinh học E5 RON92-II	lít	21.064	
20		Diezen 0,05S-II	lít	18.309	
21		Dầu hoả 2-k	lít	17.936	
22		Dầu mazut No2B (3S)	kg	15.591	
23		Dầu mazut No2B (3,5S)	kg	13.809	
		<i>Từ ngày 21/4/2023</i>			
24		Xăng RON95-III	lít	21.482	

25		Xăng sinh học E5 RON92-II	lít	20.618	
26		Diezen 0,05S-II	lít	17.627	
27		Dầu hoả 2-k	lít	17.709	
28		Dầu mazut No2B (3S)	kg	16.182	
29		Dầu mazut No2B (3,5S)	kg	14.400	
	<b>4</b>	<b>Sắt, thép</b>			
		<i>1 - Thép Thái Nguyên</i>			
		<i>Thép tròn cuộn, thép cây</i>			
		<i>Từ ngày 01/4/2023</i>			
30		Thép tròn tron D6, D8 cuộn CT3, CB240-T.	kg	16.156	
31		Thép tròn vằn D8 cuộn SD295A, CB300-V	kg	16.156	
32		Thép tròn vằn D9 cây L=11,7m SD295A, CB300-V	kg	16.656	
33		Thép tròn vằn D10 cuộn CT5, SD295A, CB300-V	kg	16.206	
34		Thép tròn vằn D10 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	16.556	
35		Thép tròn vằn D12 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	16.406	
36		Thép tròn vằn D14÷D40 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	16.356	
37		Thép vằn D10 cây CB400-V, CB500-V	kg	16.556	
38		Thép vằn D12 cây L=11,7m, CB400-V, CB500-V	kg	16.406	
39		Thép vằn D14÷D40 cây L=11,7m, CB400-V, CB500-V	kg	16.356	
		<i>Từ ngày 12/4/2023</i>			
40		Thép tròn tron D6, D8 cuộn CT3, CB240-T.	kg	15.856	
41		Thép tròn vằn D8 cuộn SD295A, CB300-V	kg	15.856	
42		Thép tròn vằn D9 cây L=11,7m SD295A, CB300-V	kg	16.506	
43		Thép tròn vằn D10 cuộn CT5, SD295A, CB300-V	kg	15.906	
44		Thép tròn vằn D10 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	16.406	
45		Thép tròn vằn D12 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	16.256	
46		Thép tròn vằn D14÷D40 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	16.206	

QCVN07:  
2019/BKHCN

47		Thép vằn D10 cây CB400-V, CB500-V	kg	16.406
48		Thép vằn D12 cây L=11,7m, CB400-V, CB500-V	kg	16.256
49		Thép vằn D14÷D40 cây L=11,7m, CB400-V, CB500-V	kg	16.206
		<i>Từ ngày 25/4/2023</i>		
50		Thép tròn trơn D6, D8 cuộn CT3, CB240-T.	kg	15.656
51		Thép tròn vằn D8 cuộn SD295A, CB300-V	kg	15.656
52		Thép tròn vằn D9 cây L=11,7m SD295A, CB300-V	kg	16.256
53		Thép tròn vằn D10 cuộn CT5, SD295A, CB300-V	kg	15.706
54		Thép tròn vằn D10 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	16.156
55		Thép tròn vằn D12 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	16.006
56		Thép tròn vằn D14÷D40 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	15.956
57		Thép vằn D10 cây CB400-V, CB500-V	kg	16.156
58		Thép vằn D12 cây L=11,7m, CB400-V, CB500-V	kg	16.006
59		Thép vằn D14÷D40 cây L=11,7m, CB400-V, CB500-V	kg	15.956
		<b><i>Thép hình các loại</i></b>		
		<i>Từ ngày 01/4/2023</i>		
60		Thép góc L40 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	17.206
61		Thép góc L50 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	17.106
62		Thép góc L60 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	17.106
63		Thép góc L63÷L65 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	17.056
64		Thép góc L70÷L80 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	17.106
65		Thép góc L90 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	17.006
66		Thép góc L100 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	17.006
67		Thép góc L120÷L130 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	18.856
68		Thép góc L150, SS400, L=6m, 9m, 12m	kg	19.156
69		Thép góc L100 SS540, L=6m, 9m, 12m	kg	18.706

70	Thép góc L120÷L130 SS540, L=6m, 9m, 12m	kg	19.206
71	Thép góc L150 SS540, L=6m, 9m, 12m	kg	19.556
72	Thép C8÷C10 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	17.056
73	Thép C12 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	17.156
74	Thép C14 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	17.906
75	Thép C15 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	18.260
76	Thép C16 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	17.906
77	Thép C18 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	18.156
78	Thép I10 SS400, L=6m, 9m, 12m	kg	17.056
79	Thép I12 SS400, L=6m, 9m, 12m	kg	17.006
80	Thép I15 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	17.556
	<i>Từ ngày 21/4/2023</i>		
81	Thép góc L40 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	16.856
82	Thép góc L50 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	16.756
83	Thép góc L60 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	16.756
84	Thép góc L63÷L65 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	16.706
85	Thép góc L70÷L75 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	16.756
86	Thép góc L80÷L90 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	16.706
87	Thép góc L100 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	16.706
88	Thép góc L120÷L130 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	18.606
89	Thép góc L150, SS400, L=6m, 9m, 12m	kg	18.856
90	Thép góc L80÷L90 SS540, L=6m, 9m, 12m	kg	18.406
91	Thép góc L100 SS540, L=6m, 9m, 12m	kg	18.956
92	Thép góc L120÷L130 SS540, L=6m, 9m, 12m	kg	19.256
93	Thép góc L150 SS540, L=6m, 9m, 12m	kg	16.706

QCVN07:  
2019/BKHCN

94	Thép C8÷C10 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	16.806	
95	Thép C12 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	17.656	
96	Thép C14 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	17.656	
97	Thép C16 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	17.656	
98	Thép C18 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	17.906	
99	Thép I10 SS400, L=6m, 9m, 12m	kg	16.706	
100	Thép I12 SS400, L=6m, 9m, 12m	kg	16.656	
101	Thép I15 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	17.206	
	<b>2 - Thép Hòa Phát</b>			
	<i>Từ ngày 01/4/2023</i>			
102	D6 cuộn CB240-T	kg	14.909	QCVN07: 2019/BKHCN
103	D8 cuộn CB300-V	kg	14.909	
104	D12 cây gai CB300-V	kg	15.227	
105	D14 cây gai CB300-V	kg	15.227	
106	D16 cây gai GR40	kg	15.227	
107	D18 cây gai CB300-V	kg	15.227	
108	D20 cây gai B300-V	kg	15.227	
109	D22 cây gai CB300-V	kg	15.318	
	<i>Từ ngày 19/4/2023</i>			
110	D6 cuộn CB240-T	kg	14.682	QCVN07: 2019/BKHCN
111	D8 cuộn CB300-V	kg	14.682	
112	D12 cây gai CB300-V	kg	15.045	
113	D14 cây gai CB300-V	kg	15.045	
114	D16 cây gai GR40	kg	15.045	
115	D18 cây gai CB300-V	kg	15.045	
116	D20 cây gai B300-V	kg	15.045	
117	D22 cây gai CB300-V	kg	15.136	
	<i>Từ ngày 25/4/2023</i>			
118	D6 cuộn CB240-T	kg	14.682	QCVN07: 2019/BKHCN
119	D8 cuộn CB300-V	kg	14.682	
120	D12 cây gai CB300-V	kg	14.955	
121	D14 cây gai CB300-V	kg	14.955	
122	D16 cây gai GR40	kg	14.955	

123	D18 cây gai CB300-V	kg	14.955	
124	D20 cây gai B300-V	kg	14.955	
125	D22 cây gai CB300-V	kg	15.045	
	<b>3 - Dây thép, đinh</b>			
126	Dây thép đen các loại	kg	20.000	
127	Đinh các loại	kg	20.000	
	<b>4 - Thép Việt Ý (Cty CP thép Việt Ý)</b>			
	<i>Từ ngày 01/4/2023</i>			
128	Thép tròn trơn D6, D8 cuộn CB240T	kg	15.900	QCVN07: 2019/BKHCN TCVN1651- 2:2018
129	Thép thanh vằn D10 CB300-V	kg	16.500	
130	Thép thanh vằn D10 CB400-V, CB500-V	kg	16.950	
131	Thép thanh vằn D12 CB300-V	kg	16.350	
132	Thép thanh vằn D12 CB400-V, CB500-V	kg	16.800	
133	Thép thanh vằn D13-D32 cây CB300-V	kg	16.350	
134	Thép thanh vằn D13-D32 CB400-V, CB500-V	kg	16.800	
135	Thép thanh vằn D36 CB400-V, CB500-V	kg	16.900	
136	Thép thanh vằn D40 CB400-V, CB500-V	kg	17.600	
	<i>Từ ngày 15/4/2023</i>			
137	Thép tròn trơn D6, D8 cuộn CB240T	kg	15.600	QCVN07: 2019/BKHCN TCVN1651- 2:2018
138	Thép thanh vằn D10 CB300-V	kg	16.200	
139	Thép thanh vằn D10 CB400-V, CB500-V	kg	16.650	
140	Thép thanh vằn D12 CB300-V	kg	16.050	
141	Thép thanh vằn D12 CB400-V, CB500-V	kg	16.500	
142	Thép thanh vằn D13-D32 cây CB300-V	kg	16.050	
143	Thép thanh vằn D13-D32 CB400-V, CB500-V	kg	16.500	
144	Thép thanh vằn D36 CB400-V, CB500-V	kg	16.600	
145	Thép thanh vằn D40 CB400-V, CB500-V	kg	17.300	



**BẢNG GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐẾN HIỆN TRƯỜNG XÂY DỰNG KHU VỰC TRUNG TÂM CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ TỪ SƠN**

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2023 - Mức giá chưa bao gồm VAT

(Kèm theo Công bố số 04/2023/CBLS-XD-TC ngày 15/5/2023 của Liên Sở Xây dựng-Tài chính)

Đơn vị tính : đồng

Số TT	Danh mục vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thành phố Từ Sơn	Huyện Tiên Du	Huyện Yên Phong	Huyện Quế Võ	Huyện T. Thành	Huyện Gia Bình	Huyện Lương Tài
<b>1 Cát (TCVN)</b>										
1	Cát mịn cỡ hạt 0,7-1,4	m <sup>3</sup>	QCVN16: 2019/BXD	176.650	177.008	184.750	172.818	169.154	172.848	178.740
2	Cát mịn cỡ hạt 1,5-2,0	m <sup>3</sup>		186.650	187.008	194.750	182.818	179.154	182.848	188.740
3	Cát vàng ML>2	m <sup>3</sup>		446.650	447.008	454.750	437.818	434.154	442.848	443.740
4	Cát san nền	m <sup>3</sup>		171.650	172.008	175.261	162.818	164.154	167.843	168.740
<b>2 Các loại Đá (TCVN)</b>										
5	Đá dăm xanh (chọn) 1x2	m <sup>3</sup>	QCVN16: 2019/BXD	300.460	301.013	311.833	293.987	294.351	294.024	297.049
6	Đá dăm xanh (chọn) 2x4	m <sup>3</sup>		290.460	291.013	301.833	283.987	284.351	284.024	287.049
7	Đá dăm xanh (chọn) 4x6	m <sup>3</sup>		280.460	281.013	291.833	273.987	274.351	274.024	277.049
8	Đá dăm cấp phối loại 1	m <sup>3</sup>		250.460	251.013	250.751	238.987	239.351	239.024	242.049
9	Đá dăm cấp phối loại 2	m <sup>3</sup>		240.460	241.013	240.751	228.987	229.351	229.024	232.049